

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2021

V/v: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hạnh;  
Bà Mai Thị Tiếp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Ánh T, sinh năm 1974.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Công T1, sinh năm 1970.

Cùng nơi ĐKKHKT: 11 t, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Cùng chỗ ở hiện nay: Nhà 13, D1 Chung cư Đ, phường Đông V, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, anh T1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2021, bản tự khai ngày 08/12/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Ánh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Công T1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống được 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình giữa chị và anh T1 không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 8/2019, anh chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Do vợ chồng chị không đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh T1 là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Thị T2, sinh ngày 06/02/1996 và cháu Nguyễn Công T3, sinh ngày 15/4/2003. Hiện nay cả hai con chung đều đã thành niên, khỏe mạnh bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai ngày 09/12/2021, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Công T1 trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung của anh và chị T. Nay chị T làm đơn khởi kiện ly hôn, anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị T thực sự không còn, do anh và chị T không có đăng ký kết hôn vì vậy anh đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị T là vợ chồng. Về con chung: hiện nay các con đều đã thành niên và khỏe mạnh bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung; về tài sản, công nợ chung: anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Chị T và anh T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị chính quyền địa phương không nắm được. Nay chị T làm đơn khởi kiện ly hôn anh T thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Chị T và anh T có hai con chung nhưng hiện nay các cháu đều đã thành niên. Về tài sản, công nợ chung của anh chị địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh T giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Vì vậy việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý,

giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Hoàng Ánh T và anh Nguyễn Công T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Như vậy hôn nhân giữa chị Hoàng Ánh T và anh Nguyễn Công T không được pháp luật thừa nhận. Thời gian chung sống được 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình giữa anh chị không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn càng tăng nhất từ tháng 8/2019, anh chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Cả chị T và anh T đều thừa nhận tình cảm giữa anh chị đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều mong muốn được ly hôn. Tại phiên tòa cả hai đều yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Ánh T và anh Nguyễn Công T1.

[4]. Về con chung: Chị Hoàng Ánh T và anh Nguyễn Công T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Thị T2, sinh ngày 06/02/1996 và cháu Nguyễn Công T3, sinh ngày 15/4/2003. Hiện nay cả hai con chung đều đã thành niên, khỏe mạnh bình thường nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Ánh T và anh Nguyễn Công T1.

Về con chung: Chị Hoàng Ánh T và anh Nguyễn Công T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Thị T2, sinh ngày 06/02/1996 và cháu Nguyễn Công T3, sinh ngày 15/4/2003. Hiện nay cả hai con chung đều đã thành niên, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Ánh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001453 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ án phí).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thu Phương**